

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN BM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN BM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BM MANAGEMENT REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0312278681

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 15/05/2013

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** 897/22 Trần Hưng Đạo, Phường 01, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>((trừ tư vấn tài chính, kế toán). )                                                                                                                                                                                                                           | 7020     |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                              | 7920     |
| 3.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                          | 5610     |
| 4.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh<br>((không hoạt động tại trụ sở) )                                                                                                                                                                                                         | 0118     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(chi tiết: Bán buôn phân bón)                                                                                                                                                                                                        | 4669     |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>(chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán). )                                                                                                                                                        | 6619     |
| 7.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                | 7820     |
| 8.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310     |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4633     |
| 10. | Bán buôn thực phẩm<br>((không hoạt động tại trụ sở) )                                                                                                                                                                                                                                     | 4632     |
| 11. | Bán buôn gạo<br>((không hoạt động tại trụ sở) )                                                                                                                                                                                                                                           | 4631     |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>((thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. HCM về Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. HCM)) | 4781     |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                  | 4932        |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh)                                                                                      | 4789        |
| 16. | In ấn<br>((trừ in tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan). )                                                                                       | 1811        |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>((trừ thiết kế công trình). )                                                                                                                   | 7410        |
| 18. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>((trừ sản xuất phim))                                                                                                                                      | 7420        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ<br>((trừ môi giới hôn nhân))                                                                                                                     | 9633        |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>((không hoạt động tại trụ sở) )                                                                         | 4620        |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>(chi tiết: Đại lý. Môi giới (trừ môi giới bất động sản). )                                                                                           | 4610        |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                           | 4663        |
| 23. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>(chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở). )                                                                           | 5510        |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                               | 4931        |
| 25. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                          | 7320        |
| 26. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(chi tiết: Quản lý bất động sản )                                                                            | 6820(Chính) |
| 27. | Điều hành tua du lịch<br>(chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa-quốc tế)                                                                                                           | 7912        |
| 28. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                    | 7911        |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                         | 8230        |
| 30. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>((trừ kinh doanh phòng trà ca nhạc, vũ trường và không hoạt động tại trụ sở) )                                                      | 9000        |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                               | 7730        |
| 32. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                            | 7710        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Dịch vụ đại lý tàu biển; giao nhận hàng hóa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.) | 5229        |
| 34. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                              | 4641        |
| 35. | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp                                                                                                                                            | 0130        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất. Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm. Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.) | 4649 |
| 37. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1812 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

Tổng số cổ phần: 0

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**9. Danh sách cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSD N đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HOA      | Số 7 Lô E, Khu Mơ Táo, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 4.750.000  | 47.500.000.000        | 95        | 012548412                                                                                                              |         |
|     |                     |                                                                                         | Tổng số           | 4.750.000  | 47.500.000.000        | 95        |                                                                                                                        |         |
| 2   | ĐOÀN THỊ THU THƯƠNG | 897/22 Trần Hưng Đạo, Phường 01, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 1         | 023302743                                                                                                              |         |
|     |                     |                                                                                         | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 1         |                                                                                                                        |         |
| 3   | NGUYỄN HỮU TỈNH     | Dục Nội, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 4         | 011873169                                                                                                              |         |
|     |                     |                                                                                         | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 4         |                                                                                                                        |         |

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Ngày sinh: 09/11/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012548412

Ngày cấp: 03/02/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 7 Lô E, Khu Mơ Táo, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 7 Lô E, Khu Mơ Táo, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh